BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12390 /BNV-CTL&BHXH V/v báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg, Quyết định số 1764/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: .....

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới, Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 và Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 10/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW; để có cơ sở báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định, Bộ Nội vụ đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg theo Đề cương tại Phụ lục 01.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg, Quyết định số 1764/QĐ-TTg xây dựng báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg theo Đề cương tại Phụ lục 02.

3. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg xây dựng báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg theo Đề cương tại Phụ lục 03.

4. Các Bộ: Công an, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Thanh tra Chính phủ căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg.

Báo cáo đề nghị gửi về Bộ Nội vụ (qua Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội) ***trước ngày 15/11/2026*** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận: - Như trên; - Bộ trưởng (để b/c); - Thứ trưởng Nguyễn Mạnh Khương; - Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố; - Lưu: VT, CTL&BHXH.	**KT. BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG** **Nguyễn Mạnh Khương**

Phụ lục 01

(Kèm theo công văn số 12390/BNV-CTL&BHXH ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ Nội vụ)

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW NGÀY 03/9/2019 CỦA BAN BÍ THƯ, QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG NGÀY 25/3/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1764/QĐ-TTG NGÀY 10/9/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(*đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*)

I. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội.

2. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động.

3. Số lượng doanh nghiệp: phân theo ngành kinh tế, loại hình doanh nghiệp; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng từ 10 đến 25 lao động; số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế...

4. Số lượng doanh nghiệp có tổ chức công đoàn cơ sở: phân theo loại hình doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp, khu kinh tế...

5. Tỷ lệ người lao động tham gia công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp.

II. Tình hình 07 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

a) Công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg, tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

b) Xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn và hàng năm để tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện.

c) Công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quan hệ lao động.

d) Thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, tạo điều kiện cho người lao động, người sử dụng lao động tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao ý thức giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

a) Củng cố, kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, bố trí biên chế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, quản lý tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật lao động trong doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế hòa giải, trọng tài; nghiên cứu bố trí hòa giải viên chuyên trách thực hiện 02 nhiệm vụ *(giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động)*.

đ) Thúc đẩy cơ chế tham vấn ba bên ở địa phương tham gia hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề quan hệ lao động trên địa bàn.

e) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn.

g) Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhà ở, công trình phúc lợi cho công nhân khu công nghiệp.

h) Theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; biến động về lao động, tiền lương, việc làm và đời sống của người lao động; tình hình quan hệ lao động ở địa phương trong các khu công nghiệp, khu kinh tế có đông lao động, nhiều doanh nghiệp.

i) Theo dõi, nắm bắt tình hình vận động, thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; công tác quản lý tổ chức đại diện người lao động trên địa bàn.

k) Công tác phối hợp, tích hợp thông tin dữ liệu giữa các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động; công tác thông tin, dự báo, kết nối cung - cầu và phát triển thị trường lao động để các bên có cơ sở đối thoại, thương lượng.

l) Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và cảnh báo sớm về quan hệ lao động giữa cơ quan quản lý nhà nước, công đoàn, cơ quan công an, ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, cơ quan bảo hiểm xã hội, chính quyền cấp xã và tổ chức đại diện người sử dụng lao động.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

a) Công tác tuyên truyền vận động và kết quả phát triển đoàn viên, tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp *(có số liệu chứng minh)*.

b) Xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

d) Đổi mới hoạt động công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở để các tổ chức này thực sự làm chỗ dựa vững chắc hỗ trợ cho công đoàn cơ sở trong quan hệ lao động.

đ) Biện pháp hỗ trợ, bảo vệ đoàn viên, cán bộ công đoàn, tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Kết quả hoạt động của công đoàn các cấp trong việc tham gia, thúc đẩy đối thoại, thương lượng tập thể, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động *(có số liệu chứng minh)*.

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

a) Tình hình xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở; tiến hành đối thoại theo quy định pháp luật trong các doanh nghiệp *(định kỳ, yêu cầu, vụ việc)*.

b) Tình hình thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể: tỷ lệ doanh nghiệp tiến hành thương lượng, số lượng thỏa ước đã ký kết *(doanh nghiệp, ngành, nhiều doanh nghiệp)*, những nội dung chính trong thỏa ước, việc thực hiện thỏa ước... *(có số liệu chứng minh)*.

c) Hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các bên trong quan hệ lao động.

d) Hỗ trợ kỹ thuật để các bên tham gia có hiệu quả vào hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể.

đ) Thúc đẩy, mở rộng các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể cấp ngành và nhiều doanh nghiệp để góp phần từng bước xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

5. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

a) Tình hình tranh chấp lao động và đình công trên địa bàn: số cuộc tranh chấp lao động cá nhân, tập thể, đình công; nội dung các vấn đề tranh chấp; phương thức giải quyết tranh chấp, đình công *(có số liệu chứng minh)*.

b) Xây dựng, hoàn thiện quy chế hoạt động hòa giải viên, Hội đồng trọng tài lao động theo quy định; tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực, bố trí địa điểm làm việc, cơ sở vật chất và thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với hòa giải viên, trọng tài viên lao động.

c) Nghiên cứu, thí điểm mô hình giải quyết tranh chấp lao động với việc bố trí một số hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động chuyên trách.

d) Nghiên cứu, kiện toàn cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, đình công phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thúc đẩy giải quyết tranh chấp theo đúng quy định pháp luật.

III. Đánh giá chung

Trên cơ sở kết quả triển khai nhiệm vụ, đưa ra những nhận định, đánh giá kết quả thực hiện và làm rõ những nội dung sau:

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

IV. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

1. Phương hướng, nhiệm vụ

2. Đề xuất, kiến nghị

V. Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg, Quyết định số 1764/QĐ-TTg ở địa phương.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
I	**Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động**			
1	***Số doanh nghiệp***	DN		
1.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)			
	- Trong đó: số DNNN trong KCN			
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh			
	- Trong đó: số DN dân doanh trong KCN			
1.3	Số doanh nghiệp FDI			
	- Trong đó: số DN FDI trong KCN			
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%		
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến dưới 25 lao động	%		
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp từ trên 25 đến dưới 50 lao động	%		
2	***Số hợp tác xã (HTX)***	HTX		
3	***Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động***	Khu		
II	**Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động**			
1	***Số lao động trong doanh nghiệp***	người		
1.1	Số lao động (LĐ) trong DNNN			
	- Trong đó: số LĐ trong DNNN trong KCN			
1.2	Số lao động trong DN dân doanh			
	- Trong đó: số LĐ trong DN dân doanh trong KCN			
1.3	Số lao động trong DN FDI			
	- Trong đó: số LĐ trong DN FDI trong KCN			
2	***Số lao động trong các hợp tác xã***	HTX		
III	**Tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong DN, HTX**	tổ chức		
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN			
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh			
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI			
4	Số tổ chức CĐCS trong HTX			
5	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN	người		
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX			
IV	**Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động**			
1	***Số DN đăng ký nội quy lao động (số liệu lũy kế)***	DN		
2	***Số DN có thang lương, bảng lương (số liệu lũy kế)***	DN		
3	***Tiền lương, thu nhập bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX***	triệu đồng/ người/ tháng		
3.1	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN			
	Trong đó: - Ở DNNN			
	- Ở DN dân doanh			
	- Ở DN FDI			
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX			
3.3	Thu nhập bình quân tháng của NLĐ			

	Trong đó: *- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ có tham gia BHXH*	triệu đồng/ người/ tháng		
	- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ không tham gia BHXH			
4	***Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN***			
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở *(số liệu lũy kế)*	DN		
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN		
	Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ	DN		
	- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên	DN		
	- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc.	DN		
5	***Số thỏa ước lao động tập thể (TƯLĐTT) đã ký kết (số liệu lũy kế)***			
5.1	Số TƯLĐTT doanh nghiệp	bản		
5.2	Số TƯLĐTT ngành	bản		
5.3	Số TƯLĐTT nhiều doanh nghiệp	bản		
6	***Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công***			
6.1	Số cuộc TCLĐ cá nhân	cuộc		
6.2	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	cuộc		
	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích trong KCN	cuộc		
6.3	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	cuộc		
	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền trong KCN	cuộc		
6.4	Số cuộc đình công	cuộc		
	Số cuộc đình công trong KCN	cuộc		
7	***Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân KCN trên địa bàn***	**%**		
V	**Số công chức hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương**	người		
1	Số công chức làm công tác lao động, quan hệ lao động, tiền lương, BHXH của Sở Nội vụ	người		
	Trong đó: số công chức chuyên trách về quan hệ lao động	người		
2	Số công chức làm công tác quan hệ lao động tại BQL KCN, KKT	người		
3	Số công chức cấp xã làm công tác lao động, tiền lương, quan hệ lao động	người		
4	Số công chức làm công tác quan hệ lao động tại cơ quan khác	người		
VI	**Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động**			
1	Số lượt NLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người		
2	Số lượt người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người		
3	Kinh phí thực hiện	triệu đồng		
VII	**Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động**			
1	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	người		
	Trong đó: Số thanh tra viên lao động			
2	Số DN được thanh tra	DN		
3	Số DN được kiểm tra	DN		
4	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN		
5	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN		
6	Tổng số kiến nghị xử lý	kiến nghị		
7	Tổng số quyết định xử phạt	QĐ		
8	Tổng số tiền xử phạt	triệu đồng		

VIII	**Kiện toàn hòa giải viên lao động (HGVLĐ), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLĐ)**			
1	**Hòa giải viên lao động**			
1.1	Số HGVLĐ được bổ nhiệm đang hoạt động	người		
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLĐ tiếp nhận	cuộc		
	Trong đó: *- Số cuộc TCLĐ cá nhân*			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền			
1.3	Số cuộc TCLĐ được HGVLĐ hòa giải thành			
	Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành			
2	**Hội đồng trọng tài lao động**			
2.1	Thành lập HĐTTLĐ (*đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLĐ*).			
2.2	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLĐ tiếp nhận	cuộc		
	Trong đó: *- Số cuộc TCLĐ cá nhân*			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền			
2.3	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLĐ giải quyết			
	Trong đó: Số cuộc TCLĐ cá nhân được TTLĐ ra quyết định giải quyết			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích được TTLĐ ra quyết định giải quyết			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền được TTLĐ ra quyết định giải quyết			

Ghi chú:

- Số liệu năm 2025 tính đến hết 31/12.
- Số liệu năm 2026 tính đến hết 31/10.

lyln - 03/12/2026 13:59:00 - lyln - lyln - lyln - lyln

Phụ lục 02

(*Kèm theo công văn số /BNV-CTL&BHXH ngày tháng năm 2026 của Bộ Nội vụ*)

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW NGÀY 03/9/2019 CỦA BAN BÍ THƯ, QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG NGÀY 25/3/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1764/QĐ-TTG NGÀY 10/9/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(đối với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

I. Tình hình 07 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

1. Công tác phổ biến, quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch của các cấp công đoàn để triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật về quan hệ lao động, công đoàn

3. Kết quả thực hiện

Căn cứ những nhiệm vụ đề ra trong Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg, phân tích, đánh giá kết quả triển khai thực hiện, tập trung vào những nội dung sau:

3.1. Về thành lập công đoàn cơ sở, đổi mới, nâng cao hoạt động của công đoàn, thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của công đoàn các cấp trong việc thực hiện chương trình thành lập công đoàn cơ sở, đổi mới nâng cao hoạt động của công đoàn cơ sở *(xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể để thành lập tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp).*

b) Kết quả thực hiện chương trình thành lập công đoàn và phát triển đoàn viên trong các loại hình doanh nghiệp ở địa phương.

- Số công đoàn cơ sở được thành lập trong doanh nghiệp, (*chia theo loại hình doanh nghiệp và theo năm 2025, 2026*), tỷ lệ đạt được so với số doanh nghiệp có từ 25 lao động trở lên.

- Số đoàn viên công đoàn *(chia theo loại hình doanh nghiệp và theo năm 2025, 2026)*; tỷ lệ đoàn viên so với tổng số lao động trong doanh nghiệp có tổ chức công đoàn.

- Tỷ lệ đoàn viên so với tổng số lao động đạt được trong doanh nghiệp có từ 25 lao động trở lên đối với từng loại hình doanh nghiệp (*chi tiết theo các năm 2025, 2026*).

c) Đổi mới về phương thức thành lập tổ chức và phát triển đoàn viên.

3.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở có đủ năng lực và trình độ để thực hiện nhiệm vụ

a) Đổi mới về công tác cán bộ, số cán bộ công đoàn chuyên trách; trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn trong doanh nghiệp

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

c) Các nội dung, nhiệm vụ khác.

3.3. Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở

a) Hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết và thực thi thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động và đình công của công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp, kết quả mang lại.

b) Hoạt động tư vấn pháp luật; giám sát việc thực thi pháp luật của người sử dụng lao động.

c)Hoạt động của công đoàn cơ sở trong việc quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp.

d) Tham gia các hoạt động thanh tra, kiểm tra chính sách pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội.

3.4. Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới.

3.5. Tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện các thiết chế công đoàn; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 09/01/2016 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất; tình hình thực hiện Đề án "Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất" theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ, thúc đẩy đối thoại, thương lượng tập thể, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động.

Việc đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ nêu trên đề nghị có số liệu, tài liệu thuyết minh.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

III. Phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị

1. Phương hướng, nhiệm vụ

2. Đề xuất, kiến nghị

IV. Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
1	**Số tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong các doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX)**	tổ chức		
	Số tổ chức CĐCS trong DN nhà nước			
	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh			
	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI			
	Số tổ chức CĐCS trong hợp tác xã			
2	**Số doanh nghiệp theo quy mô sử dụng lao động có tổ chức công đoàn**	DN		
	DN sử dụng dưới 10 lao động			
	DN sử dụng từ 10 đến dưới 25 lao động			
	DN sử dụng từ 25 lao động trở lên			
3	**Số đoàn viên công đoàn bình quân**	người		
	Số đoàn viên công đoàn bình quân trong DNNN			
	Số đoàn viên công đoàn bình quân trong DN dân doanh			
	Số đoàn viên công đoàn bình quân trong DN FDI			
	Số đoàn viên công đoàn bình quân trong HTX			
4	**Tỷ lệ NLĐ tham gia tổ chức công đoàn trong DN có tổ chức công đoàn (theo loại hình DN)**	%		
	DN Nhà nước			
	Doanh nghiệp FDI			
	DN dân doanh			
	HTX			
5	**Số cán bộ công đoàn cơ sở**	người		
	Số cán bộ CĐCS trong DN nhà nước			
	Số cán bộ CĐCS trong DN dân doanh			
	Số cán bộ CĐCS trong DN FDI			
	Số cán bộ CĐCS trong HTX			
6	**Số cán bộ công đoàn cơ sở chuyên trách**	người		
	Số cán bộ CĐCS chuyên trách trong DN nhà nước			
	Số cán bộ CĐCS chuyên trách trong DN dân doanh			
	Số cán bộ CĐCS chuyên trách trong DN FDI			
	Số cán bộ CĐCS chuyên trách trong HTX			

7	**Tỷ lệ CĐCS tiến hành đối thoại tại nơi làm việc (ĐTTNLV)**	%		
	Tỷ lệ CĐCS trong DN nhà nước tiến hành ĐTTNLV			
	Tỷ lệ CĐCS trong DN dân doanh tiến hành ĐTTNLV			
	Tỷ lệ CĐCS trong DN FDI tiến hành ĐTTNLV			
8	**Tỷ lệ CĐCS tham gia tổ chức Hội nghị NLĐ (HNNLĐ)**	%		
	Tỷ lệ CĐCS trong DN nhà nước tham gia tổ chức HNNLĐ			
	Tỷ lệ CĐCS trong DN dân doanh tham gia tổ chức HNNLĐ			
	Tỷ lệ CĐCS trong DN FDI tham gia tổ chức HNNLĐ			
9	**Số thỏa ước lao động tập thể (TƯLĐTT) đã ký kết đang có hiệu lực thi hành *(tính lũy kế)***	TƯ LĐTT		
	Số TƯLĐTT DN			
	Số TƯLĐTT ngành			
	Số TƯLĐTT nhiều DN			
10	**Số doanh nghiệp có TƯLĐTT có hiệu lực (theo loại hình doanh nghiệp)**	Doanh nghiệp		
	DN Nhà nước			
	Doanh nghiệp FDI			
	DN dân doanh			
	HTX			
11	**Số lao động trong các doanh nghiệp có TƯLĐTT**	người		
	Số lao động trong DN nhà nước có TƯLĐTT			
	Số lao động trong DN dân doanh có TƯLĐTT			
	Số lao động trong DN FDI có TƯLĐTT			
12	**Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động**			
	Số Trung tâm tư vấn pháp luật	TT		
	Số cán bộ công đoàn làm công tác tư vấn pháp luật tại các Trung tâm tư vấn pháp luật	người		
	Số lượt người lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động			

Ghi chú:
- Số liệu năm 2025 tính đến hết 31/12.
- Số liệu năm 2026 tính đến hết 31/10.

Phụ lục 03

(*Kèm theo công văn số /BNV-CTL&BHXH ngày tháng năm 2026 của Bộ Nội vụ*)

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW NGÀY 03/9/2019 CỦA BAN BÍ THƯ, QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG NGÀY 25/3/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1764/QĐ-TTG NGÀY 10/9/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(đối với các tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở Trung ương)

I. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

1. Công tác phổ biến, quán triệt, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch của tổ chức người sử dụng lao động để triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về quan hệ lao động.

3. Kết quả thực hiện

a) Số lượng và hoạt động về quan hệ lao động của các thành viên của tổ chức đại diện người sử dụng lao động *(có số liệu thuyết minh, so sánh, phân tích với số lượng doanh nghiệp đang hoạt động)*.

b) Các hoạt động và sáng kiến của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động nhằm thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp *(thực thi pháp luật lao động, tăng cường đối thoại và thương lượng tập thể, cơ chế giải quyết tranh chấp lao động...)*.

c) Vai trò của tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong hỗ trợ các thành viên tuân thủ pháp luật lao động, tham gia các cơ chế, hoạt động quan hệ lao động, giải quyết các vấn đề quan hệ lao động phát sinh, thực hiện trách nhiệm xã hội, tiêu chuẩn lao động trong chuỗi cung ứng và xây dựng quan hệ lao động hài hòa.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

III. Phương hướng, nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị

1. Phương hướng, nhiệm vụ

2. Đề xuất, kiến nghị.

IV. Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
1	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ	số DN		
2	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ sử dụng dưới 10 lao động.	số DN		
3	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ có công đoàn cơ sở	số DN		
4	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ tham gia tổ chức công đoàn	%		
5	Tỷ lệ doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ tiến hành đối thoại tại nơi làm việc	%		
6	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ có thỏa ước lao động tập thể	Số DN		
7	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ phát sinh tranh chấp lao động tập thể, đình công	số DN		
8	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động của tổ chức đại diện NSDLĐ	cuộc		
9	Số doanh nghiệp thành viên của tổ chức đại diện NSDLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động	số DN		

Ghi chú: - Số liệu năm 2025 tính đến hết 31/12
- Số liệu năm 2026 tính đến hết 31/10

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Bộ Công an;
2. Bộ Xây dựng;
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
4. Thanh tra Chính phủ;
5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
6. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
7. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
8. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
9. 34 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

lyln - 03/11/2026 13:59:00 - lyln - lyln - lyln - lyln